TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST Ngày 28-5-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Ngô Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị V; nơi cư trú: Tổ 4, V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T; nơi cư trú: Tổ 4, V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị V trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn T tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận D), thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 4 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia

đình anh T ở phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải nhưng không được, chị đã bỏ đi từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Quang M sinh ngày 16-4-2001 (đã trưởng thành) và Đỗ Huy N sinh ngày 17-5-2005, chị V có nguyện vọng để anh T nuôi con chung Đỗ Huy N, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị V trình bày; về mâu thuẫn anh cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là mâu thuẫn nhỏ, gia đình nào cũng có. Nay chị V làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị V đã bỏ đi từ giữa tháng 6 năm 2019 đến nay, anh mong muốn chị V quay về nhà để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nuôi dạy con. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Đỗ Quang M sinh ngày 16-4-2001 (đã trưởng thành) và Đỗ Huy N sinh ngày 17-5-2005, anh có nguyện vọng nuôi con Đỗ Huy N, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác M thu thập chứng cứ qua lời khai của chính quyền địa phương xác định: Chị V và anh T có mâu thuẫn, chị V đã bỏ nhà đi từ giữa năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa thì đại diện gia đình anh T cũng xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn. Gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Quan điểm của gia đình mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị V cương quyết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người các đương sự và căn cứ quy định tại các Điều 51;Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị V được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cho chị V nuôi con chung Đỗ Huy N sinh ngày 17-5-2005. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị V và anh Đỗ Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận D), thành phố Hải Phòng; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đỗ Thị V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn, anh Đỗ Văn T hiện đang cư trú tại tổ 4, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Khi mới kết hôn chị V và anh T chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau về cách sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị V và anh T không thể hòa giải được, cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn sự quan tâm tới nhau, anh T thừa nhận trong cuộc sống anh cũng có hành vi đe dọa chị V. Tuy nhiên, anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị là mâu thuẫn nhỏ, gia đình nào cũng có. Nay, vì con cái, anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị V vẫn cương quyết ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp, cách thức nào để chị V quay về đoàn tụ với anh. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[4] Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung Đỗ Quang M sinh ngày 16-4-2001 (đã trưởng thành) và Đỗ Huy N sinh ngày 17-5-2005. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi con chung Đỗ Huy N, chị V đồng ý để anh T nuôi con, cháu N có đơn đề nghị nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị của anh T, chị V và cháu N là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, phù hợp quy

định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh T chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi anh có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị V và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị V và anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn T nuôi con chung là Đỗ Huy N sinh ngày 17-5-2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi anh T có yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013345 ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận D;
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND P.H,Q.D, Hải Phòng (ĐKKH số 18/2001);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung